

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
TỈNH BẾN TRE**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - hạnh phúc**

Bản án số: 314/2020/DS-PT  
Ngày 19-11-2020  
V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BẾN TRE**

**- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Huỳnh Ngọc Dũng

*Các Thẩm phán:* Ông Tôn Văn Thông

Ông Lê Minh Đạt

**- Thư ký phiên tòa:** Ông Võ Tấn Vũ - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre.

**- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Bến Tre tham gia phiên tòa:** Bà Lê Thị Hồng Vân - Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 11 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 275/2020/TLPT-DS ngày 22/10/2020 về “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số: 23/2020/DS-ST ngày 17/7/2020 của Tòa án nhân dân thành phố B bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 269/2020/QĐ-PT ngày 30/10/2020 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà Hồ Thị D sinh năm 1970

Địa chỉ: Số nhà 90A5, Khu phố 2, phường P, thành phố B, tỉnh Bến Tre.

*Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn:* Ông Lê Ngọc K, sinh năm 1959; địa chỉ: Số nhà 191C2, Khu phố 6, phường P, thành phố B, tỉnh Bến Tre.

2. *Bị đơn:*

2.1. Ông Nguyễn Phước T, sinh năm 1978

2.2. Bà Đỗ Kim T1, sinh năm 1976

Cùng địa chỉ: Số nhà 473D, Khu phố 3, Phường 8, thành phố B, tỉnh Bến Tre.

*Người đại diện theo ủy quyền của bị đơn bà Đỗ Kim T1:* Ông Huỳnh Minh T3, sinh năm 1979; địa chỉ: Ấp 3, xã H, huyện G, tỉnh Bến Tre.

3. *Người kháng cáo:* Bị đơn bà Đỗ Kim T1.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Theo đơn khởi kiện của nguyên đơn bà Hồ Thị D và trong quá trình tố tụng người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn là ông Lê Ngọc K trình bày.*

Vào ngày 11/01/2019, ông Nguyễn Phước T và bà Đỗ Kim T1 vay của bà Hồ Thị D số tiền 300.000.000 đồng mua gỗ đóng tủ và cửa nhà cho khách hàng. Việc vay tiền được lập thành văn bản là Giấy mượn tiền ngày 11/01/2019, có chữ ký của ông Nguyễn Phước T và bà Đỗ Kim T1, bà D cho ông T và T1 vay không tính lãi suất, ông T và bà T1 cam kết sẽ trả số tiền trên cho bà D trước ngày 11/4/2019. Tuy nhiên, đến hạn ông T và bà T1 không trả tiền cho bà D như đã cam kết. Do đó, bà D khởi kiện yêu cầu ông T và bà Tuyền có trách nhiệm liên đới trả số tiền 300.000.000 đồng, không yêu cầu tính lãi suất.

*Trong quá trình tố tụng người đại diện theo ủy quyền của bị đơn bà Đỗ Kim T1 là ông Huỳnh Minh T3 trình bày:*

Bà Đỗ Kim T1 đồng ý theo yêu cầu khởi kiện của bà Hồ Thị D. Do bận công việc nên ông T3 không thể tham gia phiên tòa được. Vì vậy, ông T3 có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã hai lần triệu tập hợp lệ ông Nguyễn Phước T để tiến hành hòa giải nhưng ông T vắng mặt và không có trình bày ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Do không tiến hành hòa giải được, Tòa án nhân dân thành phố B đã đưa vụ án ra xét xử.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số: 23/2020/DS-ST ngày 17/7/2020 của Tòa án nhân dân thành phố B đã áp dụng khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, các Điều 147, 227, 228, 244, 271, 273 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015; các Điều 288, 357, 463, 466, 468, 470 Bộ luật Dân sự năm 2015; Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Hồ Thị D đối với bị đơn ông Nguyễn Phước T, bà Đỗ Kim T1 về việc tranh chấp hợp đồng vay tài sản, cụ thể:

Buộc ông Nguyễn Phước T và bà Đỗ Kim T1 có trách nhiệm liên đới trả cho bà Hồ Thị D số tiền vay là 300.000.000 (Ba trăm triệu) đồng.

Ghi nhận việc bà Hồ Thị D không yêu cầu tính lãi đối với số tiền trên.

Ngoài ra, bản án còn tuyên về án phí, nghĩa vụ chậm thi hành án và quyền kháng cáo của các đương sự.

Ngày 30/7/2020, bị đơn bà Đỗ Kim T1 kháng cáo một phần bản án sơ thẩm. Nội dung kháng cáo đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm, cho bà được trả dần số tiền nợ 300.000.000 đồng, mỗi tháng 5.000.000 đồng cho đến khi hết nợ vì hoàn cảnh kinh tế của bà gặp nhiều khó khăn, không có khả năng trả một lần.

Tại phiên tòa phúc thẩm, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn bà D

và người đại diện theo ủy quyền của bị đơn bà T1 có yêu cầu xét xử vắng mặt. Tại đơn xin giải quyết vắng mặt người đại diện theo ủy quyền của bà T1 giữ nguyên yêu cầu kháng cáo xin trả dần số tiền nợ mỗi tháng 5.000.000 đồng đến khi hết nợ do hoàn cảnh kinh tế của bà T1 rất khó khăn.

Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bến Tre tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: Những người tiến hành tố tụng, những người tham gia tố tụng đã tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015, không chấp nhận kháng cáo của bà T1, giữ nguyên Bản án sơ thẩm số: 23/2020/DS-ST ngày 17/7/2020 của Tòa án nhân dân thành phố B.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ đã được thẩm tra công khai tại phiên tòa; kết quả tranh tụng tại phiên tòa; ý kiến đề nghị của Kiểm sát viên; xét kháng cáo của bà Đỗ Kim T1; Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn bà D và người đại diện theo ủy quyền của bị đơn bà T1 có yêu cầu xét xử vắng mặt nên Tòa án tiến hành phiên tòa phúc thẩm xét xử vắng mặt những người này theo quy định.

[2] Căn cứ giấy mượn tiền ngày 11/01/2019 giữa bà Hồ Thị D với ông Nguyễn Phước T, bà Đỗ Kim T1 có chữ ký của ông T, bà T1 và sự thừa nhận của người đại diện theo ủy quyền của bị đơn về việc đồng ý theo yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Đồng thời, Tòa án sơ thẩm cũng đã tổng đạt các văn bản tố tụng cho ông T để tham gia phiên hòa giải và tham gia phiên tòa nhưng ông T vắng mặt và không trình bày ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của bà D. Từ đó, có căn cứ xác định ông T, bà T1 có vay tiền của bà D đã quá thời hạn thanh toán nhưng bị đơn không thực hiện nghĩa vụ trả nợ. Do đó, cấp sơ thẩm chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà D là có căn cứ.

[3] Bà T1 kháng cáo yêu cầu được trả dần số tiền nợ 300.000.000 đồng theo phương thức mỗi tháng trả 5.000.000 đồng cho đến khi hết nợ. Xét thấy giữa hai bên không có thỏa thuận về việc trả dần số tiền nợ, đồng thời việc bà T1 và ông T vay tiền nhưng không thực hiện đầy đủ nghĩa vụ trả tiền là vi phạm nghĩa vụ, làm ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của bà D nên không có căn cứ để chấp nhận.

Từ những nhận định trên, Tòa án sơ thẩm chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ, đúng quy định của pháp luật. Kháng cáo của bị đơn không có căn cứ nên không được chấp nhận.

[4] Đề nghị của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bến Tre phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[5] Về án phí phúc thẩm: Do kháng cáo không được chấp nhận nên bà Đỗ Kim T1 phải chịu án phí theo quy định.

Vì các lẽ trên,

## **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015;

Không chấp nhận kháng cáo của bà Đỗ Kim T1;

Giữ nguyên Bản án sơ thẩm số: 23/2020/DS-ST ngày 17/7/2020 của Tòa án nhân dân thành phố B, tỉnh Bến Tre.

Áp dụng khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, các Điều 147, 227, 228, 244, 271, 273 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015; các Điều 288, 357, 463, 466, 468, 470 Bộ luật Dân sự năm 2015; Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

[1] Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Hồ Thị D đối với bị đơn ông Nguyễn Phước T, bà Đỗ Kim T1 về việc tranh chấp hợp đồng vay tài sản, cụ thể:

Buộc ông Nguyễn Phước T và bà Đỗ Kim T1 có trách nhiệm liên đới trả cho bà Hồ Thị D số tiền vay là 300.000.000 (Ba trăm triệu) đồng.

Ghi nhận việc bà Hồ Thị D không yêu cầu tính lãi đối với số tiền trên.

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

[2] Về án phí:

[2.1] Án phí sơ thẩm:

Ông Nguyễn Phước T và bà Đỗ Kim T1 có nghĩa vụ liên đới chịu 15.000.000 (Mười lăm triệu) đồng.

Hoàn lại cho bà Hồ Thị D số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 7.500.000 (Bảy triệu năm trăm nghìn) đồng theo biên lai số 0008981 ngày 27/4/2020 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố B, tỉnh Bến Tre.

2.2. Án phí phúc thẩm: Bà Đỗ Kim T1 phải chịu 300.000 đồng nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí tòa án số 0012016 ngày 31 tháng 7 năm 2020 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố B, tỉnh Bến Tre.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền

thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

***Nơi nhận:***

- VKSND tỉnh Bến Tre;
- TAND thành phố B;
- Chi cục THADS thành phố B;
- Phòng KTNV&THA TAND tỉnh;
- Các đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Huỳnh Ngọc Dũng**